TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**
Số: **71**/2026/QĐST-DS	*Vĩnh Long, ngày 17 tháng 04 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Hồng

2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự lý số: 97/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T2 (T3);

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Đỗ Minh P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền ký đơn khởi kiện: Ông Nguyễn Vũ L – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ Khách hàng cá nhân – T3

Địa chỉ trụ sở: Lầu E, C đường H, phường B, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng:

Ông Nguyễn Văn Đ – Chức vụ Trưởng nhóm Xử lý nợ khách hàng cá nhân – Đội xử lý nợ 2 - Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ Khách hàng cá nhân – T3

Ông Đặng Chí B, ông Nguyễn Minh T – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ khách hàng cá nhân – Đội xử lý nợ 2 - Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ Khách hàng cá nhân – T3

Ông Nguyễn Gia H, ông ông Lưu Văn K, ông Quách Văn Duy A – Chức vụ: Nhân viên Xử lý nợ khách hàng cá nhân – Đội xử lý nợ 2 - Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ Khách hàng cá nhân – T3

Bị đơn:

Ông Huỳnh Hữu H1, sinh năm 1972;

Bà Mai Thị T1, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre (Nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Huỳnh Hữu H1, bà Mai Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP T2 tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/04/2026 là 1.440.366.070 đồng, trong đó:

Theo Hợp đồng cho vay từng lần số 250/2023/HDTD/PKD TGG ngày 29/08/2023 số tiền: 1.267.474.214 đồng, trong đó:

Số tiền gốc: 1.093.750.000 đồng

Tiền lãi trong hạn: 154.485.129 đồng

Tiền lãi quá hạn: 10.018.882 đồng

Tiền lãi chậm trả: 9.220.203 đồng

Theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 170/2024/HDTD/PKD TGG ngày 04/05/2024 số tiền: 172.891.856 đồng, trong đó:

Số tiền gốc: 150.000.000 đồng

Tiền lãi trong hạn: 17.420.214 đồng

Tiền lãi quá hạn: 4.106.596 đồng

Tiền lãi chậm trả: 1.365.046 đồng

2.2 Ông Huỳnh Hữu H1 và bà Mai Thị T1 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, lãi quá hạn và lãi chậm trả phát sinh sau ngày 17/04/2026 theo thoả thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số 250/2023/HDTD/PKD TGG ngày 29/08/2023, Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 170/2024/HDTD/PKD TGG ngày 04/05/2024 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.3 Trong trường hợp ông Huỳnh Hữu H1 và bà Mai Thị T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP T2 được xử lý tài sản bảo đảm theo

Hợp đồng thế chấp tài sản số 281/2023/HDBD/PKD TGG ngày 14/09/2023 để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 662, tờ bản đồ số 20 toạ lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre (Nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long).

2.4 Chi phí tố tụng số tiền 200.000 đồng, ông Huỳnh Hữu H1 và bà Mai Thị T1 phải chịu, số tiền này Ngân hàng TMCP T2 đã nộp xong nên ông H1, bà T1 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 200.000 đồng.

2.5. Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 55.211.000 đồng.

Bà Mai Thị T1 được miễn do thuộc đối tượng là người cao tuổi theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn án phí sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn H2 phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 55.211.000 đồng/2 = 27.605.000 đồng.

H3 lại cho Ngân hàng TMCP T2 số tiền tạm ứng án phí là 25.487.000 đồng theo biên lai thu số 0005047 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Yến